

Số: /BC-UBND

Chiềng Xôm, ngày tháng 11 năm 2014

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG XÃ CHIỀNG XÔM, THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

I. GIỚI THIỆU CHUNG:

Xã Chiềng Xôm nằm ở khu vực hạ lưu dòng suối Nậm La, cách Trung tâm thành phố Sơn La 3 km; có tổng diện tích tự nhiên 6.204 ha; trong đó đất sản xuất nông nghiệp: 939,5ha, đất lâm nghiệp 4.339,28ha, còn lại là núi đá và đất khác; địa bàn được chia làm 12 bản, 02 tiểu khu; có 1.357 hộ với 5.390 nhân khẩu, gồm có 7 dân tộc cùng sinh sống, dân tộc Thái chiếm 91,3%; dân tộc Kinh chiếm 7,4%; dân tộc Mường 0,6%; dân tộc Tày chiếm 0,37% còn lại là dân tộc Chăm, Mông, Dao. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là sản xuất Nông—Lâm nghiệp—Dịch vụ.

Đảng bộ xã có 19 Chi bộ với 385 đảng viên, các tổ chức đoàn thể cùng hoạt động thống nhất theo đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Xã có trục đường tỉnh lộ 106 chạy qua 10km, có 26.193km đường giao thông nông thôn. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2013 đạt 5.567,4 tấn; hộ nghèo năm 2014 còn 15 hộ chiếm 1,1%. Công tác an ninh – quốc phòng đảm bảo ổn định và giữ vững.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

A-THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Đặc điểm địa lý:

Vị trí địa lý: Xã Chiềng Xôm là xã nằm ở phía bắc Thành phố Sơn la chạy dọc theo dòng suối Nậm La, cách Trung tâm thành phố Sơn La 3 km, tiếp giáp theo các hướng: Phía Bắc giáp với xã Bó Mười—Thuận Châu và xã Mường Bú—Mường La; phía Nam giáp với Phường Chiềng An thành phố Sơn La; phía Đông giáp xã Chiềng Ngàn; phía Tây giáp xã Chiềng Đen.

2. Tình hình dân số: Toàn xã hiện có 1.357 hộ với 5.390 nhân khẩu. Trong đó: Nam giới có 2.622 người, chiếm 48,6%. Nữ giới có 2.768 người, chiếm 51,4%. Trẻ em dưới 18 tuổi có 1.968 người chiếm 36,5 %. Thanh niên và trung niên (có độ tuổi từ 18-60) có 2.808 người(nam 1.366, nữ 1.442) chiếm 52,1 %; Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 125 người chiếm 2,32%. Người già có 614 người (nam 218, nữ 396) chiếm 11,4%-. Người khuyết tật có 82 người chiếm 1,5%. Người bị bệnh hiểm nghèo có 4 người chiếm 0,07%

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên):

Với tổng diện tích tự nhiên là 6.204 ha, sử dụng cho các mục đích: đất ở, và đất sản xuất nông nghiệp. Cụ thể: Đất thổ cư : 39,9-ha; Đất nông nghiệp 939,509 ha. Trong đó, đất lúa nước 89,279-ha, đất trồng cây hàng năm 792,87ha, đất trồng cây lâu năm 29,32ha, đất nuôi trồng thủy sản 28,04-ha), đất rừng 4.339,28-ha; đất phi nông nghiệp 153,3-ha; đất-khác 732,011 ha.

4. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh:

Ngành nghề của người dân xã Chiềng Xôm chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, chỉ có một tỷ lệ nhỏ là hộ buôn bán, kinh doanh dịch vụ.

Sản lượng nông nghiệp đạt: 5.567,4 tấn; Sản lượng bình quân đạt—1.033 kg/người/năm. Trong đó:

- Cây lương thực-: Lúa xuân diện tích gieo cấy 81,82ha, năng suất bình quân đạt 88 tạ/ha, sản lượng 720 tấn. Lúa mùa diện tích gieo cấy 87,027ha, năng suất bình quân đạt 40tạ/-ha, với tổng sản lượng 348,1 tấn. Ngô diện tích gieo trồng 762,6ha, năng suất bình quân đạt 59 tạ/ha, sản lượng 4.499,3 tấn.

- Các loại cây trồng khác: Lạc 28,5ha, năng suất đạt 25 tạ/ha, sản lượng đạt 71,2 tấn; Sắn 14ha; Đậu, đỗ các loại 4,2ha, năng suất đạt 20 tạ/ha, sản lượng đạt 8,4 tấn; diện tích trồng rau các loại 8 ha; cây ăn quả các loại 14,8 ha; cà phê diện tích gieo trồng 14,52ha; Diện tích trồng hoa: 18,44ha.

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc: 7.790 con, gia cầm hiện có: 77.956 con.

5. Cơ sở hạ tầng:

- Công trình thủy lợi: có 5 phai đập kiên cố, có 21,77km kênh mương, đã kiên cố được 11,7m đạt 53,74%.

- Trường lớp học: có 03 trường (Mầm non-, Tiểu học, Trung học cơ sở), -trong đó có trường THCS đạt chuẩn quốc gia.

- Đường giao thông gồm: 26,193 km, trong đó có 15,931km đường đất, 10,262 km đã được cứng hoá đạt 39,18%, có 01 cầu kiên cố, có 05 cầu treo.

- Hệ thống lưới điện dân dụng có 06 trạm biến áp, 13,5km đường dây điện.

- Xã có 01 trạm phát thanh, có 12 loa phóng thanh tại 12 bản.

6. Nhà ở: Toàn xã hiện có 1357 ngôi nhà. Trong đó: Nhà kiên cố: 116 nhà; nhà bán kiên cố: 1167 nhà, nhà ven sông suối: 52 nhà, nhà ven núi, sườn đồi 154 nhà.

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

- Xã có -05 công trình nước sạch, có 767 hộ được sử dụng -chiếm 56,52% . Có 133 giếng nước.

- Người dân chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, chưa biết cách thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, các bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng còn vứt rác bừa bãi; chưa có công trình hố rác tập trung tại các bản.

8. Y tế: Có 01 trạm y tế với 4 y sỹ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, là nơi người dân tin tưởng đến khám và điều trị bệnh ban đầu.

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Đảng uỷ, HĐND, UBND xã đã xác định công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu trong mùa mưa lũ vì vậy hàng năm, xã đã xây dựng kế hoạch PCTT tìm kiếm cứu nạn với phương châm “chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả” nhằm giảm tới mức thấp nhất về người, tài sản, môi trường do thiên tai gây ra, chính quyền xã đã tích cực chủ động trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua các buổi họp thôn.

Xã đã thành lập ban chỉ huy PCTT gồm 17 người, trong đó có 6 nữ; đội xung kích xã với số lượng 73 người; lực lượng cứu hộ cứu nạn 162 người, lực lượng dự bị động viên gồm 110 người; lực lượng dân quân 98 người, tại 14 /14 bản, tiểu khu.

Sau mỗi lần thiên tai, Ban chỉ huy thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác PCTT, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời theo quy định

B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VÀ NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương

* Nhận xét chung:

Là một xã miền núi, có dòng suối Nậm la 5 km chảy qua, lại có nhiều khe lạch chảy về, mặt khác do dòng suối Nậm La –thoát lũ qua 5 cửa hang ngầm thường xuyên bị bồi lấp sau mùa mưa lũ–, vì vậy hàng năm vào mùa mưa bão thường bị mưa, lũ gây ngập úng dài ngày và sạt lở đất, gây thiệt hại lớn đến tài sản của nhân dân và của nhà nước. Ảnh hưởng rất lớn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của địa phương.

* Các thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn xã:

1. Lũ lụt: Xu hướng mưa to kéo dài, lũ trên thượng nguồn đổ về nhanh cục bộ, mạnh, thất thường, càng ngày càng nhiều hơn.

Năm 2008, xảy ra trận lũ lụt lớn, gây ra thiệt hại đối với các bản dọc suối Nậm La gồm các bản: Phiêng Ngùa, Panh, Hụm, Lả Muồng, Ái, Phiêng Hay, TKI, TKII, Bản Tông. Trận lũ lụt gây- Ngập 40 nhà, đường giao thông bị hư hỏng 7 km, 05 cầu treo, hệ thống kênh mương bị hư hỏng vùi lấp 10km, các phai thủy lợi bị hư hỏng, 4 trạm bơm thủy luân bị vùi lấp. Lúa bị mất trắng 49 ha, diện tích ruộng bị sạt lở 1,1ha; rau màu bị thiệt hại 29,3ha; diện tích ao cá bị thiệt hại 19ha. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 5,4 tỷ đồng. Môi trường bị ô nhiễm, nguồn nước sạch bị ảnh hưởng.

Năm 2012 xảy ra trận lũ lụt, ngập 2 nhà tại bản Phiêng Ngùa, 1 nhà tại tiểu khu I, Phiêng Hay 1 nhà, hư hỏng 2-km đường giao thông, 4 trạm bơm thủy luân, 4 phai bị hư hỏng, ngập 18,1 ha lúa, 0,85 ha ao cá bị vỡ, 0,25 ha ngô bị hư hỏng. Môi trường bị ô nhiễm, nguồn nước sạch bị ảnh hưởng.

2. Sạt lở đất: Do điều kiện về địa hình, người dân các xã trong bản thường làm nhà ở sát chân núi vì vậy khi mưa to kéo dài nhiều ngày dẫn đến gây sạt lở đất, sạt lở đất thường xảy ra nhanh, cục bộ khó dự đoán và thường xuyên xảy ra.

Tháng 8/2013 xảy ra sạt lở đất tại bản Panh, gây thiệt hại: 01 hộ gia đình bị sập 1 gian nhà, hư hỏng 1 xe công nông, ước tính thiệt hại khoảng 50 triệu đồng.

3. Lốc xoáy: Thường xảy ra nhanh, do thay đổi mùa, cục bộ, bất ngờ, khó dự đoán, trong những năm gần đây lốc xoáy thường xảy ra nhiều hơn.

Tháng 5/2013, xảy ra 1 cơn lốc xoáy, gây nhiều thiệt hại cho xã Chiềng Xôm, đặc biệt tại khu vực Bản-: Panh, Phiêng Ngùa, Bản Ái: 1 nhà tóc mái bị tóc mái hoàn toàn, 2 nhà bị bay mái tôn, ước tính giá trị thiệt hại khoảng 100 triệu.

4. Rét hại: Xu hướng càng ngày, càng nhiều, [nhiệt](#) độ xuống thấp hơn, độ ẩm thấp, đôi khi kèm sương muối, có những trận rét kéo dài hơn 1 tháng.

Đầu năm 2008, rét đậm, rét hại làm chết-: 4 con trâu, 4 con bò, trên 6 tấn cá; Ruộng mạ bị hư hỏng 40 ha; cà phê bị chết 8 ha; rau màu hư hỏng 5 ha, giảm năng suất; học sinh nghỉ học 2 tuần.

II. Thông tin đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT)

1. Nhận xét chung:

Với tổng dân số 5.390 nhân khẩu, trong đó [người](#) già có 614 người, Trẻ em có 1968 người. Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 125 người, người khuyết tật có 82 người, người bị bệnh hiểm nghèo có 4 người. Đa số các hộ dân làm nhà bán kiên cố, 52 nhà ven suối, 154 nhà ở ven núi. Với những đặc điểm về vị trí địa lý, địa hình chia cắt sâu và mạnh, cùng với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng đến đời sống người dân trong xã, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp thuần túy, ít ngành nghề phụ, bên cạnh đó do nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân còn hạn chế, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên trên địa bàn toàn xã, tình trạng dễ bị tổn thương còn nhiều.

2. TTDBTT toàn xã:

2.1 An toàn công đồng

*Vật chất:

- Có 154 hộ dân sống ven núi, ven sông suối, nhà ở chủ yếu là nhà sàn bán kiên cố, thiếu trang thiết bị ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.

- Hệ thống loa [mới chỉ tiếp sóng đài huyện, chưa trực tiếp](#) truyền thanh từ xã đến các bản để dự báo, cảnh báo, tuyên truyền chưa có, và chưa được phủ sóng truyền thanh, truyền hình của Thành Phố Sơn La.

- Hệ thống đường GTNT tuy đã có nhưng vẫn còn nhiều đoạn đường xuống cấp, dễ bị chia cắt khi có thiên tai xảy ra, 7 km đường giao thông đi lại khó khăn, chưa có biển cảnh báo ở 8 vùng có nguy cơ cao (-thường xuyên bị ngập lụt sâu) và

có 4 phai thủy lợi, 5 cầu treo, 4 cầu máng, 6 trạm bơm bị xuống cấp nghiêm trọng. Có 5 cửa hàng thoát lũ thường xuyên bị vùi lấp; Mố cầu bản Tông nguy cơ bị sạt lở

- Đối tượng ngoài tuổi lao động chiếm tỷ lệ lớn: Trẻ em dưới 18 tuổi có 1968 người chiếm 36,5%; Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 125 người chiếm 2,32%. Người già có 614 người chiếm 11,4%. Người khuyết tật có 82 người chiếm 1,5%. Người bị bệnh hiểm nghèo có 4 người chiếm 0,07%, 15 hộ nghèo chiếm 1,11%.

* Tổ chức xã hội

Do thiếu hệ thống loa truyền thanh phát trực tiếp từ xã tới bản nên việc tuyên truyền chưa sâu sát đến tận các bản. Các ban ngành đoàn thể của xã, BCH PCTT, đội xung kích cứu hộ, cứu nạn đã có phương án PCTT, tuy nhiên chưa được trang bị kiến thức về phòng chống thiên tai và sơ cấp cứu ban đầu, thiếu trang thiết bị PCTT, tìm kiếm cứu nạn như nhà bạt, áo phao, phao cứu sinh, đặc biệt lực lượng làm công tác PCTT chưa được tổ chức diễn tập công tác về công tác cứu hộ, cứu nạn hàng năm -do thiếu nguồn kinh phí. Việc tham gia của phụ nữ vào công tác PCTT còn hạn chế, tỷ lệ nữ trong các tổ chức, ban chỉ huy PCTT còn ít—(Ban chỉ huy PCTT với số người là 17 người, trong đó có 6 nữ chiếm 35%;

* Thái độ động cơ:

Một số người dân sống ở ven sông, suối, vùng có nguy cơ cao còn chủ quan, chưa chủ động trong công tác phòng tránh thiên tai.

Chính quyền địa phương tuy đã quan tâm đến công tác PCTT nhưng nhiều khi chưa sâu sát, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, nhận thức về PCTT của một số cán bộ xã, bản chưa đầy đủ, cho đây là công việc của cấp trên.

Chị em phụ nữ còn phụ thuộc kinh tế, thiếu kiến thức về rủi ro thiên tai, ít tham gia vào các hoạt động xã hội

2.2 Sản xuất, kinh doanh:

- Trên 80 ha lúa nằm ở vùng trũng gần sông suối dễ bị ngập lụt, ngập úng và đa số diện tích trồng lúa là ruộng bậc thang nên dễ bị mất mùa, giảm năng suất khi có rét hại, nắng nóng-. Có 28 ha diện tích ao cá là những ao hồ ven sông suối, cá có nguy cơ bị trôi, bị chết rét.

- Đàn gia súc 7.790 con, gia cầm các loại 77956 con tiêm phòng chưa đầy đủ, chuồng trại chưa đảm bảo, có một số hộ vẫn còn thả rông nên dễ bị chết rét, cũng có thể bị dịch bệnh do chuồng trại không đảm bảo, ô nhiễm môi trường.

- Ngành nghề chủ yếu của người dân là trồng lúa, trồng ngô, trồng màu, phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, nên dễ bị ảnh hưởng sâu bệnh, năng suất thấp.

- Diện tích ngô và cây ăn quả nhỏ lẻ chưa có đầu ra cho sản phẩm, thường bị tư thương ép giá nên thu nhập thấp, đời sống người dân còn khó khăn.

- Phương tiện sản xuất còn thiếu, thô sơ, 10% hộ dân vẫn sử dụng sức kéo trâu bò

- Nhiều diện tích đất sản xuất ở ven sông, suối thường bị ngập lụt gây sạt lở đất dễ bị mất đất sản xuất. Địa hình của xã chủ yếu là đồi núi nên thiếu đất sản xuất, người dân phải đi làm thuê vì có nhiều ngày nông nhàn, có một số hộ dân cho người ngoài địa phương đến thuê đất trồng hoa rồi đi làm thuê cho họ, nhưng thu nhập thấp, bấp bênh.

- 50% hộ gia đình chăn nuôi gia súc nhỏ lẻ, gia cầm còn thả rông, chuồng trại chưa đảm bảo:

- Người dân thiếu kiến thức về chăn nuôi, sản xuất, ý thức về chăm sóc, vệ sinh cho gia súc chưa cao, một số hộ còn thả rông trâu bò.

- Dịch vụ kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ thiếu hàng, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm, giá cả không ổn định, bị tư thương ép giá.

2.3. Sức khỏe, vệ sinh môi trường:

- Do vị trí nằm ở cuối dòng suối Nậm La thường xuyên bị ngập lụt, mùa mưa lũ rác thải từ đầu nguồn đổ về, mà xã chưa có khu rác thải tập trung, người dân còn vứt rác bừa bãi. Xác gia súc, gia cầm chết trong lũ lụt chưa thu gom kịp thời; có 200 hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố nên nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Người dân vẫn thả rông trâu bò và gia súc, gia cầm. Một số người sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật không theo quy định, vứt bao bì bị nhiễm hóa chất bừa bãi, nên có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt ở đầu nguồn (trên núi dẫn về). Khi thiên tai xảy ra gây xói lở, sạt lở đất làm vùi lấp, hư hỏng hệ thống đường ống dẫn nước dẫn đến thiếu nước sinh hoạt; nhiều bệnh tật như bệnh đau mắt đỏ, bệnh ngoài da, bệnh phụ khoa ở phụ nữ xảy ra.

- Có 614 người già, 1968 trẻ em dễ bị mắc các loại bệnh khi mùa đông đến.

- Trạm y tế chưa có Bác sỹ, y tế bản chưa được đào tạo bài bản, chưa được tập huấn thường xuyên. Có 30% người dân chưa tham gia BHYT, 80% hộ dân chưa quan tâm đến sức khỏe bản thân, không đi khám sức khỏe theo định kỳ.

III. Thông tin đánh giá về năng lực phòng chống thiên tai (PCTT)

1. Nhận xét chung:

Với địa hình phức tạp, đồi núi cao chia cắt, thường xuyên có các thiên tai xảy ra nhưng cán bộ và nhân dân xã Chiềng Xôm đã nỗ lực cố gắng để phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả để hạn chế thấp nhất thiệt hại do các loại thiên tai gây ra, vì hàng năm Xã đã thành lập Ban chỉ huy PCTT&TKCN gồm 17 người; đội thanh niên xung kích xã với số lượng 73 người, lực lượng cứu hộ cứu nạn 162 người. Chính quyền địa phương quan tâm đến công tác PCTT hàng năm có lập kế hoạch PCTT

Sau mỗi lần thiên tai, Ban chỉ huy thực hiện nghiêm túc việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời.

2. Năng lực phòng chống thiên tai của toàn xã:

2.1 An toàn cộng đồng:

* Vật chất:

- Có 116 nhà kiên cố, các nhà UBND xã, trạm y tế, 3 trường học và 13 nhà văn hoá là điểm trú an toàn khi có thiên tai xảy ra.

- Có 10,262 km đường đã được bê tông hoá đảm bảo cho việc đi lại thuận tiện.

- Có 2.228 ha rừng phòng hộ, 14 bản, tiểu khu đã có đường dẫn đến nơi trú ẩn an toàn.

- Có một số doanh nghiệp đang hoạt động trong xã có các phương tiện ô tô, máy xúc, máy ủi...có thể huy động để thực hiện công tác PCTT.

*Tổ chức xã hội: -Xã thành lập ban chỉ huy PCTT để chỉ đạo ứng phó kịp thời khi có thiên tai xảy ra, đội xung kích xã nhiệt tình có sức khỏe ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra với số lượng 73 người (10 nữ), tại 14/14 bản, tiểu khu; lực lượng cứu hộ, cứu nạn 162 người, lực lượng dự bị động viên 110 người, lực lượng dân quân 98 người năng động nhiệt tình, dễ huy động, tiếp cận nhanh khi có thiên tai. Các tổ chức đoàn thể khác cũng rất quan tâm trong công tác PCTT- TKCN.

*Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ động cơ: Người dân đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong công tác PCTT, bảo vệ môi trường. Biết trồng cây tre và một số loại cây khác chống sạt lở, đá lăn. Hàng năm công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng đã được quan tâm chỉ đạo.

2.2 Sản xuất, kinh doanh:

*Vật chất: Xã có lực lượng lao động đông, có hệ thống đường giao thông liên bản từ UBND xã đến tất các bản, tiểu khu. Có cán bộ thú y bản để điều trị, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.

- Toàn xã có 05 phai, 11,7 km kênh mương đã kiên cố hóa, thuận lợi cho công tác chủ động nguồn nước tưới sản xuất nông nghiệp...

*Tổ chức xã hội: Công tác tuyên truyền cho người dân kiến thức chống rét cho gia súc, gia cầm, tiêm phòng, giữ nước cho gia súc, gia cầm được các tổ chức xã hội tổ chức quan tâm thực hiện. Đặc biệt Hội phụ nữ luôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cách phòng bệnh, đảm bảo đủ ấm cho người già, trẻ em trong mùa đông.

*Nhận thức kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Người dân tại địa phương biết cách phủ ni lông che phủ mạ, rau màu để bảo vệ cây trồng, biết cách che chắn chuồng trại cho gia súc gia cầm; chủ động dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa giá rét; chủ động phủ rơm, thả bèo...-cho ao nuôi cá.

2.3 Sức khỏe, vệ sinh môi trường:

*Vật chất: Có trạm y tế khang trang sạch đẹp đạt chuẩn quốc gia, với đội ngũ y sỹ 6 người trạm y tế đã đảm bảo việc khám và điều trị bệnh cho nhân dân, và có đội ngũ y tế 12 bản và 2 tiểu khu.

*Tổ chức xã hội: -Chính quyền và các tổ chức xã hội đã chủ động, tổ chức một số các hoạt động thiết thực cho người dân: Hội [phụ nữ](#), dân số, y tế phối hợp tổ chức khám sức khỏe cho chị em-, tổ chức khám định kỳ cho người dân; 70% người dân có BHYT. Bên cạnh đó, chính quyền đã tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh, công tác vệ sinh môi trường, chuẩn bị các chất khử trùng và phun tiêu độc. Các tổ chức đoàn thể phối hợp với nhà trường -dọn vệ sinh sau lũ nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

* Nhận thức kinh nghiệm, thái độ, động cơ: Một số người dân chủ động đến trạm y tế kịp thời khi bị bệnh, biết chăm sóc sức khỏe; phụ nữ có thai, trẻ em được

tiêm chủng đầy đủ, nhiều hộ gia đình biết cách giữ gìn vệ sinh chung và tham gia dọn dẹp vệ sinh đường làng ngõ xóm định kỳ theo quy ước của bản.

(Chi tiết tại Bảng 5.1 cột 3; 6.1, cột 4)

C. TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

I. Tổng hợp rủi ro thiên tai

***Nhận xét chung:** Địa bàn xã Chiềng Xôm thường xuyên có 4 loại thiên tai như **lũ** lụt, sạt lở đất (đá lăn), rét hại, lốc xoáy thường xuyên xảy ra, và do tác động của biến đổi khí hậu nên thiên tai ngày càng khắc nghiệt hơn, khó dự đoán, cùng với tình trạng dễ bị tổn thương trên địa bàn xã còn nhiều, Qua đánh giá người dân đã xác định được các rủi ro cơ bản và xếp hạng theo 3 tiêu chí “-Mức độ nghiêm trọng; -Thường xuyên xảy ra; Phạm vi rộng” nên đã đưa ra bảng xếp hạng như sau:

***Những rủi ro thiên tai đã xếp hạng:**

1. Ô **nhiễm** môi trường
2. Có 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 **km** kênh mương bị ngập, vùi lấp, hư hỏng.
3. Ngô, lúa, hoa màu mất mùa và giảm năng suất
4. Có 5 cầu treo nhỏ, 4 cầu máng và 7 km đường giao thông bị hư hỏng, vùi lấp gây chia cắt ở các vùng
5. Gia súc, gia cầm, cá bị chết, bị dịch bệnh;
6. Có 5 cửa hang thoát lũ thường xuyên bị vùi lấp
7. Dịch bệnh ở người, người già và trẻ em bị mắc bệnh
8. Thiếu nước sinh hoạt
9. Sập nhà mất tài sản và chuồng trại chăn nuôi gia súc
10. Trẻ em phải nghỉ học
11. Người chết và bị thương

*** Những rủi ro được người dân trong xã Chiềng Xôm quan tâm nhất đó là:**

1. -Ô **nhiễm** môi trường

1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khoẻ	Người dân toàn xã	HĐ1: Tuyên truyền trực tiếp qua các cuộc họp của bản và các ban ngành đoàn thể.	BQL <u>b</u> ản và các ban ngành	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của bản	Ban <u>q</u> ản <u>l</u> ý bản <u>+</u> Văn hoá xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ3: Tổ chức diễn tập hàng năm	UBND Xã	Trung hạn	20%	50%	30%
			HĐ4: Pa nô, áp phích, biển cảnh báo	UBND xã + BQL <u>B</u> ản	Trung hạn		50%	50%
			HĐ5: Tổ chức văn nghệ <u>l</u> ồng <u>g</u> hép <u>c</u> ác <u>n</u> ội <u>d</u> ung <u>P</u> CTT	Các bản + Văn hoá xã	Trung hạn	70%	30%	
			HĐ6: <u>T</u> ổ chức các hoạt động và tập huấn cho học sinh	VH xã + trường học	Trung hạn		100%	
2	Quy hoạch và đầu tư xây dựng bãi rác thải, thu gom rác thải	Người dân toàn xã	HĐ1: Xác định địa điểm khu bãi rác thải	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ2: Lập đề án xây dựng bãi rác	UBND và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3: Thành lập đội thu gom rác	UBND xã	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Tuyên truyền vận động người dân thu gom rác thải	UBND xã	Thường xuyên		100%	
			HĐ5: Tiến hành xây dựng bãi rác	UBND xã	Dài hạn		50%	50%
			HĐ 6: <u>T</u> iến hành thu gom, xử lý rác thải	Nhân dân	Thường xuyên	70%	30%	

			HĐ7: Quy định về quản lý và cơ chế, kinh phí hoạt động thu gom	UBND xã	Thường xuyên		100%	
3	Ban hành nghị quyết điều động nhân lực thu gom rác thải; bổ sung quy ước, hương ước hàng năm về công tác vệ sinh môi trường.	UBND xã, 12 Bản, 2 tiểu khu	HĐ1: Rà soát lại quy chế, quy ước, hương ước hiện có	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ2 : Tổ chức họp lãnh đạo và các ban ngành có liên quan	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3 : Xây dựng kế hoạch	Lãnh đạo và các cán bộ chuyên môn	Ngắn hạn		100%	
			HĐ4: Thông qua lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã, cấp uỷ, BQL các bản, tiểu khu để hoàn chỉnh kế hoạch	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã, cấp uỷ, ban QL các bản, tiểu khu	Ngắn hạn		100%	
			HĐ5: Ký và ban hành Nghị quyết	Lãnh đạo xã				
			HĐ6: Phổ biến tuyên truyền Nghị quyết	Cán bộ xã và toàn thể nhân dân	Thường xuyên	30%	70%	
4	Đầu tư xây dựng sửa chữa nâng cấp 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương.	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống kênh mương	UBND xã + BQLBản	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tổ chức nạo vét kênh mương	Cán bộ nông nghiệp xã, bản	Thường xuyên	100%		
			HĐ3: Lập kế hoạch sửa chữa nâng cấp 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương.	UBND xã, cán bộ Thủy lợi	Trung hạn		100%	

			HĐ4: Vận động nguồn lực đầu tư	UBND xã + Ban QLDA	Trung hạn		100%	
			HĐ5: Thực hiện sửa chữa	Các bản	Trung hạn	30%	50%	20%
			HĐ6: Quản lý, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả	Các bản	Thường xuyên	100%		
5	Tạo đầu ra sản phẩm (ngô, hoa màu-)	Người dân toàn xã	HĐ1: Đánh giá năng suất sản phẩm lúa, ngô, hoa màu	Cán bộ khuyến nông xã	Trung hạn		100%	
			HĐ2: Liên hệ với các doanh nghiệp	UBND xã + ban QL bản	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3: Thành lập HTX thu mua sản phẩm cho người dân	UBND xã + ban QL bản	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Vận động nhân dân nhập sản phẩm cho HTX	UBND xã + ban QL bản	Trung hạn		100%	
			HĐ5: Thúc đẩy việc ký kết Hợp đồng giữa HTX và người dân để tiêu thụ sản phẩm, đầu tư giống, vốn	UBND xã + ban QLDA + Người dân	Trung hạn	20%	60%	40%
			HĐ6: Xây dựng sân bãi, kho hàng hoá sản phẩm	HTX+ UBND xã	Trung hạn	30%	30%	40%

D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Chiềng Xôm, trong thời gian tới cần tập trung những điểm chính sau đây:

1. Chính quyền và nhân dân các bản, tiểu khu:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức cho người dân, để họ thật sự chủ động phòng ngừa ứng phó khi thiên tai xảy ra, đặc biệt theo phương châm 4 tại chỗ.

- Tăng cường công tác vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, không thả rông gia súc, thu gom rác thải, các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng đúng quy định; Không sử dụng thuốc diệt cỏ ở các vùng đầu nguồn các công trình cấp nước sinh hoạt

- Vận động người dân và kêu gọi sự hỗ trợ bên ngoài để mua sắm trang thiết bị cần thiết để sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai [sảy-xảy](#) ra.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động PCTT và các hoạt động khác.

2. Cấp xã:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai mới ban hành, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động sự đóng góp của người dân và kêu gọi sự hỗ trợ của cấp trên và các tổ chức để xây dựng hệ thống loa truyền thanh toàn xã nhằm phục vụ cho công tác tuyên truyền ([các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống thiên tai cũng như nội dung khác](#)), thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo.

- Vận động nhân dân tích cực trồng rừng, lựa chọn giống cây trồng có giá trị kinh tế cao để tăng nguồn thu nhập.

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch PCTT và lồng ghép kế hoạch PCTT vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai.

3. Cấp huyện, tỉnh, trung ương.

Có các biện pháp giúp cho người dân phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra. Cấp ủy Đảng và chính quyền và nhân dân xã Chiềng Xôm kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

- Xây dựng [khu](#) rác thải tập trung tại xã và các bản, tiểu khu.

- Xây dựng hệ thống loa truyền thanh từ xã đến tận các bản, tiểu khu; Tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực cho người dân.

- Kiên cố hóa 10km hệ thống kênh mương nội đồng, sửa chữa nâng cấp các tuyến kênh đã xuống cấp hư hỏng.

- Nâng cấp, làm mới hệ thống [kênh](#) mương có nắp đập 21,7km, sửa chữa 5 máy thủy luân;

- Nạo vét 5 cửa hang thoát lũ và làm đường hầm tụy nen thoát lũ suối [Nậm](#) la qua đèo cao pha.

- Nâng cấp sửa chữa 7 km tuyến đường giao thông đi lại khó khăn, dễ bị chia cắt khi có thiên tai xảy ra ;

- Xây dựng 1 cầu treo vào bản Hùm, 4 cầu treo vào khu sản xuất;
- Xây dựng và triển khai thực hiện đề án cây trồng hàng hóa có đầu ra cho sản phẩm.
- Tổ chức tập huấn cho đội cứu hộ, cứu nạn về kiến thức và trang bị trang thiết bị phục vụ công tác PCTT (-áo phao, nhà bạt, phao cứu sinh, dụng cụ sơ cấp cứu);
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi cho các hộ nghèo, cận nghèo.

Trên đây là báo cáo đánh giá của UBND xã Chiềng Xôm, rất mong nhận được sự chỉ đạo, quan tâm của các cấp chính quyền để công tác PCTT của xã ngày càng thực hiện tốt hơn./.

Nơi nhận:

- BCĐ đề án 1002 TW, tỉnh, thành phố;
- TT Đảng ủy – HĐND- UBND – UBMTTQ xã;
- Ban PCTT xã;
- Lưu VP-UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC KÈM THEO

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD SỐ /BC- UBND NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2014
CỦA UBND XÃ CHIỀNG XÔM**

2.1 Bảng lịch sử thiên tai

Năm... (tháng)	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại, mức độ thiệt hại(ATCĐ;SXKD;VSMT)	Tại sao bị thiệt hại?(VC;TC/XH;NT,KN,TĐDC)	Đã làm gì để PCTT (người dân, Nam nữ, chính quyền)
Tháng 8/2008	Lũ, lụt	Nước tràn từ đầu nguồn đổ về, mưa lớn kéo dài ngập sâu 2 ngày, ngập úng 6 ngày	Các bản dọc suối Nậm La gồm các bản: Phiêng Ngựa, Panh, Hùm, Lả Muông, Ái, Phiêng Hay, TKI, TKII	Ngập 40 nhà, đường giao thông hư hỏng 7km, 5 cầu treo, hệ thống kênh mương hư hỏng vùi lấp 10 Km, các phai Thủy lợi bị hư hỏng, 4 trạm bơm thủy luân bị vùi lấp. Lúa bị mất trắng 49 ha, diện tích ruộng bị sạt lở 1,1 ha, rau màu bị thiệt hại 29,3 ha, diện tích ao cá bị thiệt hại 19 ha. Tổng giá trị thiệt hại ước tính 5,4 tỷ đồng.	- Nhà ven suối chưa kiên cố, đường giao thông trung thấp, cầu treo qua suối chưa kiên cố, kênh đất chưa được kiên cố, trạm bơm do đặt ven suối. - Lúa, hoa mùa, đang mùa vụ chưa cho thu hoạch - Ao cá ở vùng thấp.	Di dời, sơ tán, chằng néo nhà cửa, giải toả khác phục về đường giao thông, tu sửa lại cầu treo, nạo vét kênh mương, bảo dưỡng trạm bơm, làm mới phai thủy lợi.
Tháng 8/2012	Lũ, Lụt	Nước tràn từ đầu nguồn đổ về, mưa lớn kéo dài ngập sâu 2 ngày, ngập úng 2 ngày	Nước tràn từ đầu nguồn đổ về, mưa lớn kéo dài ngập sâu 2 ngày, ngập úng 6 ngày	Ngập 2 nhà tại bản Phiêng Ngựa, 1 nhà tại tiểu khu I, Phiêng Hay 1 nhà, hư hỏng 2 Km đường giao thông, 4 trạm bơm Thủy luân, 4 phai bị hư hỏng, ngập 18,1 ha lúa, 0,85 ha ao cá bị vỡ, 0,25 ha ngô bị hư hỏng.	- Nhà ven suối chưa kiên cố, đường giao thông trung thấp, cầu treo qua suối chưa kiên cố, kênh đất chưa được kiên cố, trạm bơm do đặt ven suối. - Lúa, hoa mùa, đang mùa vụ chưa cho thu hoạch - Ao cá ở vùng thấp. - Một số người dân chủ quan trong việc PCTT	Di dời, sơ tán, chằng néo nhà cửa, giải toả khác phục về đường giao thông, tu sửa lại cầu treo, nạo vét kênh mương, bảo dưỡng trạm bơm, làm mới phai thủy lợi.
Tháng 5/2013	Lốc xoáy	Xảy ra nhanh, do thay đổi mùa,cục bộ, bất ngờ.	Bản : Panh, Phiêng Ngựa, Bản Ái	1 nhà tốc mái bị tốc mái hoàn toàn, 2 nhà bị bay mái tôn, ước tính giá trị thiệt hại khoảng 100 triệu,	Nhà cửa chưa kiên cố, lốc nhanh,	chính quyền địa phương hỗ trợ mua tấm lợp, huy động nhân dân sửa chữa nhà bị tốc mái.
Tháng 8/3013	Sạt lở đất (đá lăn)	Do mưa lớn kéo dài 3 ngày	Bản Panh	Bị sập 1 gian nhà, hư hỏng 1 xe Công nông, ước tính thiệt hại khoảng 50 triệu	Do nhà ở sát chân núi	Khắc phục hậu quả sửa lại nhà, hỗ trợ cho gia đình 2 triệu từ nguồn chữ thập đỏ.

Tháng 2/2008	Rét hại	Nhiệt độ thấp hơn, kéo dài hơn 1 tháng	Toàn xã	Làm chết: 4 con trâu, 4 con bò, trên 6 tấn cá; Ruộng mạ bị hư hỏng 4 ha; cà phê bị chết 8 ha; rau màu hư hỏng 5 ha; học sinh nghỉ học 2 tuần.	Chuồng trại không được che chắn, chưa có cách phòng chống, học sinh phải nghỉ học theo quy định.	Che chắn chuồng trại; bỏ rơm và thả bèo cho các ao cá; dùng bao ny lông che chắn mạ; đốn chặt cây cà phê bị chết, bón phân chăm bón; đảm bảo áo ấm cho trẻ em, người già.
--------------	---------	--	---------	---	--	---

Bảng 3.1 LỊCH THEO MÙA

TT	Thiên tai	Tháng (dương lịch)												Xu hướng của thiên tai		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
1	Lũ lụt													Đến nhanh, ngày càng nhiều hơn		
2	sạt lở đất													Đến nhanh, cục bộ, bất ngờ, khó dự đoán		
3	Rét hại													Nhiệt độ thấp hơn, kéo dài hơn, kèm theo mưa phùn, càng ngày càng diễn ra nhiều hơn		
4	Lốc													Cục bộ, bất ngờ, ngày càng nhiều hơn		
	Hoạt động KT-XH	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	A/h của thiên tai	Tại sao	Kinh nghiệm phòng chống
1	Trồng lúa + Lúa vụ xuân + Lúa vụ mùa		nam 40%	Nữ 60%										Mạ chết rét, năng suất thấp, lúa đổ gãy, giảm năng suất; lúa bị ngập úng và sâu bệnh; giảm diện tích	Thiếu khoa học kỹ thuật; giống chưa phù hợp; thiếu sự chăm sóc; Do ở vùng trũng thấp; thiếu kiến thức phòng trừ sâu bệnh	Che phủ ni lông cho mạ; chọn giống ngắn ngày; thu hoạch sớm;
2	Trồng Ngô													Mất mùa, giảm năng suất, thu nhập thấp, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân	Thiếu kiến thức; chăm sóc chưa được đầu tư, chưa được bao tiêu sản phẩm, còn bị tư thương ép giá	Chọn giống tốt, ngắn ngày; trồng đúng kỹ thuật, thu hoạch đúng thời vụ
3	Trồng rau màu													Mất mùa, năng suất giảm; thu nhập thấp ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân	Vùng ven suối thấp; vận dụng khoa học sản xuất vào sản xuất còn ít; chưa có	Áp dụng KHKTcao vào sản xuất (HTX Hà Duy Thương) có nhà mái che;

BẢNG 4.1 TỔNG HỢP CÔNG CỤ SƠ HỌA BẢN ĐỒ

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực Phòng chống thiên tai	Rủi ro thiên tai
Lũ lụt	<ul style="list-style-type: none"> - Xây ra nhanh - Khó dự đoán - Không theo quy luật. - Cường độ càng ngày càng lớn. - Xây ra thường xuyên 	<p>1. An toàn cộng đồng (ATCĐ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40/1.500 hộ dân sống ở ven sông suối. - Xã chưa có hệ thống truyền thanh tới bản. - 7 km đường giao thông đi lại khó khăn. - Chưa có biển cảnh báo ở 8 vùng có nguy cơ cao. - 4 phai thủy lợi bị xuống cấp. - 8 vùng thường xuyên bị ngập lụt sâu. - Thiêu trang thiết bị ứng cứu. - 5 cầu treo, 4 trạm bơm bị xuống cấp nghiêm trọng. <p>2 SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20ha lúa, 5ha rau màu nằm ở vùng trũng, ven suối có nguy cơ bị mất trắng. - Chuồng trại gia cầm, ao cá ở vùng ven suối, vùng trũng. - Các cửa hang thoát lũ có nguy cơ cao bị bồi lấp <p>3. SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% hộ chưa có nhà vệ sinh kiên cố. 	<p>1. An toàn cộng đồng (ATCĐ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 20% nhà trú ẩn khi thiên tai xảy ra; Có các điểm an toàn cộng đồng : Nhà văn hoá của 13 bản, trụ sở UBND xã, Nhà văn hoá xã, Trạm y tế xã, các trường học trên địa bàn. - 14/14 bản có loa truyền thanh. - Hệ thống điện lưới được đảm bảo. - Các tuyến đường đã được bê tông hoá đảm bảo đi lại thuận tiện. <p>2. SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 77 hộ mua bán nhỏ, cung ứng đủ hàng hoá phục vụ khi có thiên tai xảy ra. - 62 ha trồng lúa, 6 ha trồng rau màu để hỗ trợ cung cấp cho người dân. - Thường xuyên nạo vét chống bồi lấp cửa hang thoát lũ trên suối Nậm La. <p>3. SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 % người dân đã quan tâm đến sức khỏe. - 65% hộ có nhà vệ sinh kiên cố. - Có trạm y tế đạt chuẩn. 14/14 bản có cán bộ y tế - Một số bản đã có hố rác tập trung, 90% hộ có hố rác gia đình. - 70% người dân tham gia bảo hiểm y 	<p>1. An toàn cộng đồng (ATCĐ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa có nguy cơ bị sập - Người có nguy cơ bị chết, bị thương do mưa lũ cuốn trôi - Các cầu treo nhỏ bị ngập, 1 số vùng bị chia cắt khi thiên tai xảy ra. - Sau mưa lũ ruộng thiếu nước tưới do các trạm bơm, công trình bị vùi lấp. <p>2. SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 13 ha diện tích đất bị mất, bị vùi lấp làm mất trắng, làm giảm năng suất. - Gia súc, gia cầm bị chết, chuồng trại bị hư hỏng. - Ngập úng kéo dài khi cửa hang thoát lũ bị bồi lấp. <p>3.SKVSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do xã nằm ở cuối dòng suối Nậm La, bị ngập lụt sâu nên dễ sinh dịch bệnh, ô nhiễm môi trường do xác gia súc, gia cầm bị chết chưa được chôn lấp..

		- 80% dân chưa quan tâm đến sức khoẻ, chưa đi khám bệnh định kỳ.	tế. - 100% phụ nữ có thai và trẻ em được tiêm phòng đầy đủ.	
Rét Hại	-Thời gian kéo dài > 1 tháng - Xuất hiện thường xuyên hơn	1. An toàn cộng đồng -124 trâu bò bị chết; 4.715 con lợn; trên 50 nghìn gia cầm có nguy cơ bị chết, nguyên nhân do chuồng trại chưa đảm bảo; dịch bệnh dễ bị mắc. - 28 ha nuôi trồng thuỷ sản, cá có nguy cơ chết rét. 2. SX, KD : - Trên 80 ha lúa giảm năng suất, mạ nguy chết rét - 30% diện tích lúa có nguy cơ mất trắng 3.SK, VSMT : - 80 % các gia đình còn là nhà tạm. - Người già và trẻ em dễ bị ốm mắc các bệnh về hô hấp, khớp , xoang, - Người dân chủ quan trong công tác chăm sóc sức khỏe	1. An toàn cộng đồng - Che chắn chuồng trại - Đã có các giải pháp chống rét cho cá -Tiêm phòng gia súc theo định kỳ - Dự trữ nguồn thức ăn cho gia súc 2. SX, KD: - Che phủ cho mạ, cây trồng bằng ni lông - Tuyên truyền chống rét cho gia súc, gia cầm. 3.SK, VSMT: - Có trạm y tế điều trị tiêm phòng đầy đủ, các bản có cán bộ y tế. - 20% hộ dân có nhà kiên cố; Người dân dự trữ có đủ chăn màn để giữ ấm. - Người dân có ý thức trong phòng chống rét. -Đảm bảo 100% người dân tham gia bảo hiểm y tế - Trẻ em mặc ấm đến trường	1 An toàn cộng đồng - Gia súc, gia cầm bị chết rét - Dịch bệnh phát triển cao 2. SX, KD: - Năng suất, sản lượng của lúa và hoa màu giảm, -Nguy cơ thiếu đói - Giảm thu nhập, dẫn đến gia tăng các hộ đói nghèo 2. SK, VSMT: - Nguy cơ chết rét, mắc các bệnh hiểm nghèo ở người già và trẻ em... - Học sinh phải nghỉ học.
Sạt lở đất sườn núi	-Khó dự đoán. - Xây ra ngày càng nhiều	1. An toàn cộng đồng - 20 hộ dân sống ở vùng có nguy cơ cao bị sạt lở đất nằm ở sườn đồi. -Thông tin liên lạc chưa kịp thời -Các hộ dân vẫn còn chủ quan, chưa chủ động kiểm tra, khảo sát các nơi có nguy cơ cao.	1.An toàn cộng đồng - Có 5 nhà dân vùng có nguy cơ cao bị sạt lở đã có nhà kiên cố. - Các hộ đã dự trữ lương thực, thực phẩm. -Trồng tre để bảo vệ chống sạt lở đất. - Đã có kế hoạch tuyên truyền vận động người dân chuẩn bị các phương án di	1. An toàn cộng đồng - Nhà cửa có nguy cơ bị sập, bị đổ - Nguy cơ thiệt hại về người, tài sản. - Nguy cơ thiệt hại về cây cối, hoa màu - Nguy cơ thiệt hại về chăn nuôi 2. SXKD - Năng suất giảm, mất mùa các loại

	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có phương án, kế hoạch di dời các hộ có nguy cơ bị sạt lở. <p>2. SXKD</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây cối hoa màu bị thiệt hại, đổ gãy; - Hệ thống công trình nước sinh hoạt dẫn từ trên núi về các thôn bị vùi lấp, hư hỏng 	<ul style="list-style-type: none"> dời. - Có lực lượng xung kích sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn. - Ban chỉ huy PCTT xã thường xuyên cảnh báo . 	<ul style="list-style-type: none"> cây trồng trên nương. - Hư hỏng , ách tắc đường giao thông <p>3. SKVSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh - Hệ thống nước sinh hoạt bị hư hỏng
--	---	---	---

Bảng 5.1: Điểm mạnh điểm yếu trong công tác PCTT

Người dân và các tổ chức đoàn thể	Điểm mạnh	Điểm yếu
Người dân	<p>1. An toàn cộng đồng</p> <p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% nhà xây 2 tầng trở lên ; 95% có nước sạch hợp vệ sinh; 60 nhà bán kiên cố - 98% có các phương tiện đi lại là xe máy; 98% có ti vi - 100% đường giao thông được cứng hoá tới bản <p>* Nhận thức kinh nghiệm , TĐ, ĐC</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% người dân có ý thức trong công tác PCTT - Các hộ có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau. <p>2. Sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% các hộ chăn nuôi thêm gia súc, gia cầm (70 nữ, 30% nam) - Biết vận dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất. <p>3. Sức khỏe về sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% có hố rác tập trung tại bản 	<p>1. An toàn cộng đồng</p> <p>* Vật chất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn chủ quan - 5% chưa có nước sạch - 20% còn nhà tạm - 2% thiếu ti vi - 90% đường ngõ xóm chưa cứng hoá - 100% người dân chưa có áo phao <p>* Thái độ động cơ: Vẫn còn một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động trong công tác phòng tránh thiên tai 20%.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chị em phụ nữ còn phụ thuộc kinh tế, nhận thức về rủi ro thiên tai, chăm sóc sức khỏe còn hạn chế <p>2. Sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có bãi chăn thả gia súc; 50% chưa có chuồng trại hợp vệ sinh

	- 70% người dân có BHYT.	<ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện sản xuất còn thiếu, thô sơ; - 50% đất sản xuất nông nghiệp ở vùng thường xuyên ngập úng, trũng, ven suối - Thiếu kiến thức năng lực <p>3. Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa quan tâm nhiều đến sức khỏe, chưa khám định kỳ - 35% các bản chưa có hố rác tập trung - Người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường.
Chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã hội	Điểm mạnh	Điểm yếu
1/ BCH phòng chống thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban chỉ huy phòng chống lũ bão xã, hàng năm xây dựng kế hoạch cụ thể gồm 6 nữ và 11 nam. - Thành lập một tổ Phụ nữ gồm 20 thành viên. Về vật chất: được cấp áo phao, phao cứu sinh, cuốc chim, đèn pin, dây thừng, xà beng, loa tay * Thái độ động cơ - Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể và các tổ đội PCTT của các bản tiêu khu * SKVSMT - Có trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, 6 y sỹ - Có hố rác tập trung 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn thường xuyên, một số thành viên còn kiêm nhiệm nhiều việc. - Không được cấp kinh phí hoạt động - Chưa được cấp phương tiện vận chuyển phục vụ công tác PCTT - Chưa dự trữ lương thực, chưa có sự phối kết hợp chặt chẽ - Các điểm có nguy cơ cao, chưa có biển báo, chưa vận động được kinh phí để sửa chữa các công trình hạ tầng cơ sở. - Chưa có bác sỹ, y tế bản chưa qua đào tạo - Chưa có hố thu gom rác thải - Chưa có sự đầu tư các ngành nghề chủ yếu để người dân làm giàu - Chưa có đầu ra cho sản phẩm như lúa, ngô và các sản phẩm khác còn bị tư thương ép giá.

<p>2/ Đội xung kích cứu hộ cứu nạn</p>	<p>1. An toàn cộng đồng * Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 24 thành viên xung kích chia thành 2 tổ gồm 6 nữ, 12 nam - Các thành viên được trang bị áo phao và các phương tiện hỗ trợ khác. <p>* Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã được tập huấn <p>* SKVSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sức cơ động tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Các trang thiết bị cứu hộ vẫn còn thiếu - Chưa được cấp kinh phí hoạt động - Thanh niên còn đi làm xã nhà. - Hoạt động của đội cứu nạn chưa thường xuyên - Hoạt động kiêm nhiệm - Kinh nghiệm trong xử lý tình huống còn hạn chế
<p>3/ Doanh nghiệp</p>	<p>1. An toàn cộng đồng * Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quân số đông (Doanh nghiệp Vạn Thành) - Có khả năng tài chính - Có phương tiện <p>* Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã thành lập đội xung kích - Đã được tập huấn (Thủy điện Vinasin) <p>* Sức khoẻ VSMT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sức khoẻ tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số các doanh nghiệp lực lượng ít. - Sự phối kết hợp với địa phương chưa thường xuyên - Ý thức phòng chống thiên tai bảo vệ môi trường còn yếu. - Chất lượng hoạt động chưa cao - Ý thức bảo vệ môi trường chưa cao.

Bảng 6.1: Tổng hợp RRTT

Thiên tai	Xu hướng	TTDBTT	Năng lực PCTT	Rủi ro thiên tai
<p>Lũ lụt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xảy ra nhanh khó dự đoán. - Không theo quy luật cường độ lớn hơn. 	<p>1. ATCĐ: *Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 52/1500 hộ nhà ở ven suối có nguy cơ cao. - Chưa có biển báo ở 08 vùng có nguy cơ cao - 7 km đường giao thông đi lại khó khăn - 04 phai (đập) xuống cấp - 08 vùng bị ngập lụt sâu - Thiếu trang thiết bị ứng ứng - Xã chưa có hệ thống truyền thông đến bản. - 04 trạm bơm luôn bị vùi lấp. - 05 cầu treo bị hư hỏng. 	<p>1. ATCĐ: * Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 20 nhà kiên cố và UBND xã, trạm y tế, trường học và 13 nhà văn hoá để trú ẩn - 10 km đường đã được bê tông hoá. - Có 13 bản đã có đường dẫn đến nơi trú ẩn an toàn - Người dân chủ động khắc phục sửa chữa phai (đập), trạm bơm, cầu treo. - 100% hộ có ti vi, xe máy, 20 hộ có ô tô 	<p>1. ATCĐ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị chết người bị thương - Nhà có nguy cơ sập và hư hỏng - Gây cô lập chia cắt giữa các khu vực. - Có 5 cầu treo nhỏ và 06 trạm bơm bị ngập, sập hư hỏng - 7 km đường bị hư hỏng

		<ul style="list-style-type: none"> - TK2 chưa có nhà văn hóa. - Dân không nắm bắt được thông tin dẫn đến không biết chủ động ứng phó - Có 5 cửa hang thoát lũ, bị vùi lấp - Mố cầu bản Tông nguy cơ bị sạt lở - 60% nhà chưa kiên cố. <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban phòng chống lũ bão của xã chưa được tập huấn thường xuyên, chưa được trang bị đầy đủ phương tiện. <p>*Nhận thức thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chủ quan trong công tác PCTT <p>2. SX, KD :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20Ha lúa nằm ở vùng trũng ven suối - 05 Ha rau màu các loại có nguy cơ bị mất trắng, năng suất giảm. - 40 chuồng trại, 1600 gia súc, gia cầm. Chưa được tiêm phòng. - 04 Ha ao thả cá nằm ở vùng trũng. - 20 km kênh muong xuống cấp. - Dịch vụ kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ thiếu hàng, vốn, thiếu kinh nghiệm - Giá cả không ổn định bị tư thương ép giá. <p>3.SK, VSMT :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% chưa có nhà vệ sinh kiên cố - 80% chưa quan tâm đến chăm sóc SK. - Trạm y tế chưa có Bsỹ. - Y tế bản chưa được đào tạo thường xuyên. - Do vị trí nằm ở cuối dòng suối nậm la. 	<ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân có dự trữ lương thực <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban PCTT và các tổ cứu hộ cứu nạn xã và tổ phòng chống ở các bản - Thường xuyên thông báo, tuyên truyền cho nhân dân về PCTT - Có hệ thống truyền thanh tại các bản - 80% người dân nhận thức tốt quan tâm đến phòng chống TT <p>* Thái độ động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần giúp đỡ nhau về sửa chữa nhà, giúp công, vật liệu, ưu tiên các hộ nghèo. - 85% hộ đã chằng chống nhà cửa trước mùa mưa lũ <p>2. SX, KD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 6 ngành nghề cơ bản (trồng ngô, lúa, rau và hoa màu, nuôi lợn, gia cầm, cá) - Có sự chỉ đạo của chính quyền xã và BQL bản trong sản xuất, chăn nuôi. - Được mua phân bón và ngô giống theo hình thức trả góp. - Phòng chống lũ bão như đóng cọc, đan phen. - Vận động nhân dân trồng hoa màu ngăn ngày. - 60 Ha lúa và 06 Ha rau màu cung cấp lương thực cho người dân. - Các chuồng trại, chăn nuôi và đàn gia cầm vẫn đảm bảo. - Thường xuyên nạo vét cửa hang thoát lũ <p>3.SK, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> -65 có nhà vệ sinh kiên cố - 90% hộ có hố rác gia đình - Có trạm y tế đạt chuẩn - 14/14 bản và tiểu khu có cán bộ y tế bản - 70% người dân tham gia bảo hiểm y tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 5 cửa hang thoát lũ, bị vùi lấp <p>2. SX, KD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước tưới tiêu - 13 Ha diện tích đất bị mất trắng bị mất trắng, làm giảm suất thấp. - Mất mùa giảm năng xuất. - Chuồng trại hư hỏng, ao cá mất trắng. - 20 km kênh muong bị hư hỏng <p>3. SK, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.
--	--	--	--	--

		<p>- Hệ thống nước sinh hoạt dễ bị vùi lấp</p> <p>* Sản xuất, KD:</p> <p>- 2 Ha cây cối hoa màu dễ bị đổ gãy, năng suất giảm. Mất đất sản xuất</p> <p>- 2000 con gia súc gia cầm bị chết, dịch bệnh.</p> <p>- Giao thông bị hư hỏng.</p> <p>* Sức khỏe VSMT</p> <p>- Kinh nghiệm trong xử lý các tình huống còn hạn chế.</p> <p>- Trạm y tế xã chưa có bác sỹ, y tế bản tiểu khu chưa được đào tạo.</p> <p>- khoảng 2500m hệ thống ống nước sinh hoạt có nguy cơ bị hỏng.</p>	<p>- Có lực lượng thanh niên, phụ nữ, dân quân trong công tác cứu hộ</p> <p>- Có phương án di dời người dân đến nơi an toàn</p> <p>- Xây dựng phai, xếp đá chống xói mòn để bảo vệ nhà cửa, cây cối hoa màu.</p> <p>2. SX, KD:</p> <p>- Lực lượng lao động trong độ tuổi đông 3000 người trong đó:</p> <p style="padding-left: 20px;">+ 1700 nữ</p> <p style="padding-left: 20px;">+ 1300 nam</p> <p>- Có 2 hợp tác xã cung ứng giống, phân bón, phục vụ cho sản xuất</p> <p>3 SK, VSMT:</p> <p>- Có trạm y tế đạt chuẩn, sy 06 y sỹ chuyên khám chữa bệnh ban đầu phục vụ nhân dân.</p> <p>- Hàng tuần các bản tổ chức vệ sinh làng bản</p> <p>- Bà mẹ, trẻ em được tiêm chủng đầy đủ</p> <p>- Trên 70% số dân đã tham gia mua bảo hiểm y tế.</p>	<p>đến đời sống nhân dân</p> <p>- Gia súc chết 12con, gia cầm 200 con.</p> <p>* SK-VSMT:</p> <p>- Dịch bệnh ở người dễ xảy ra.</p> <p>- Nước sinh hoạt chưa đảm bảo (20 hộ thiếu nước sạch)</p>
--	--	---	--	--

Bảng 7.1: XẾP HẠNG RỦI RO THIÊN TAI TẠI XÃ CHIỀNG XÔM, THÀNH PHỐ SƠN LA

Rủ ro TT	Bỏ phiếu		Tổng số	Xếp hạng
	Nữ (15)	Nam(10)		
Người chết và bị thương	0	0	0	11
Ngô, lúa, hoa màu mất mùa và giảm năng suất	29	20	49	3
Có 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 Km kênh mương bị ngập, vùi lấp, hư hỏng.	24	30	54	2
Có 5 cầu treo nhỏ và 7 km đường giao thông bị hư hỏng, vùi lấp gây chia cắt ở các vùng	20	11	31	4
Gia súc, gia cầm, cá bị chết, bị dịch bệnh;	15	7	22	5
Ô nhiễm môi trường	28	30	58	1
Có 5 cửa hàng thoát lũ thường xuyên bị vùi lấp	17	1	18	6
Dịch bệnh ở người, người già và trẻ em bị mắc bệnh	12	2	14	7
Thiếu nước sinh hoạt	10	3	13	8
Sập nhà mất tài sản và chuồng trại chăn nuôi gia súc	9	3	12	9
Trẻ em phải nghỉ học	1	3	4	10

Bảng 8.1: Kết quả tổng hợp phân tích nguyên nhân tại xã Chiềng Xôm

TT	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Ô nhiễm môi trường	<ul style="list-style-type: none"> -Rác thác từ đầu nguồn đổ vệ - Xác gia súc, gia cầm chết chưa kịp thu gom - 200 hộ chưa có nhà vệ sinh - Nguồn nước sinh hoạt từ các khe núi bị nhiễm thuốc trừ cỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nhân lực thu gom rác thải - Chưa thành lập đội thu gom rác - Thiếu kiến thức và ý thức VSMT - người dân sử dụng nước trực tiếp từ khe mớ, giếng khoan chưa qua xử lý - Người dân phun thuốc trừ cỏ vớt bao bì bị nhiễm hóa chất bừa bãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành nghị quyết, điều động nhân lực thu gom rác thải - Thành lập đội thu gom rác thải sau lũ - Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác VSMT
		Chưa có bãi rác tập trung	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có quy hoạch, chưa có kinh phí - Chính quyền do nhiều việc nên chưa thực sự quan tâm - Chưa nhận thức được tầm quan trọng quy của công tác VSMT 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch bãi rác thải - Vận động nguồn lực xây dựng bãi rác - Tuyên truyền vận động ý thức bảo vệ môi trường - Thành lập đội thu gom rác thải
		<ul style="list-style-type: none"> - Vứt rác bừa bãi - Một số gia đình chưa có bãi rác - Bao bì thuốc sâu còn vứt bừa bãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nguồn lực (các hộ nghèo và cận nghèo) - Chưa tuyên truyền sâu, rộng cho nhân dân về công tác bảo vệ môi trường - Do tập quán thói quen của người dân 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo việc làm, cho vay vốn cho người nghèo và cận nghèo - Tuyên truyền, nâng cao năng lực cho nhân dân về công tác bảo vệ môi trường - Bổ sung các quy ước, hương ước hàng năm về công tác bảo vệ môi trường.
2	<ul style="list-style-type: none"> - 5 cầu treo, 4 cầu máng, 7 km đường giao thông liên thôn hư hỏng, xuống cấp, có nguy cơ cao đe 	<ul style="list-style-type: none"> - 5 cầu treo nhỏ, 4 cầu máng, 7 km đường giao thông đã làm từ lâu nay bị hư hỏng, xuống cấp. - 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương làm lâu ngày xuống cấp , thiếu thiết bị thay thế 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nguồn lực - Kinh tế chưa phát triển - Chưa quan tâm tu sửa hàng năm - Người dân vẫn còn chủ quan qua cầu kể cả lúc mưa lũ 	<ul style="list-style-type: none"> -Tạo việc làm, tăng thu nhập - Hàng năm phải phân bổ nguồn duy tu, bảo dưỡng -Xây dựng sửa chữa 5 cầu treo nhỏ, 4 cầu máng, 7 km kênh mương - Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km

	doạ tính mạng người dân - 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương, xuống cấp thiếu nước tưới cho lúa và hoa màu			kênh mương nội đồng. - Tăng cường công tác tuyên truyền
		- Chưa giành ngân sách để tu sửa, quản lý, bảo vệ chưa tốt	- Thiếu kinh phí để tu sửa thương xuyên - Chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm - Nhân dân còn trông chờ ỷ nại vào sự đầu tư của nhà nước	- Vận động nguồn lực của các tổ chức và sự đóng góp của người dân - Cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao. - Tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của nhân dân
		- Chưa bảo vệ cầu và trạm bơm tốt - Còn có một số đối tượng chưa có ý thức còn vi phạm	- Thiếu nguồn lực - Công tác tuyên truyền chưa tốt - Nhân dân còn chủ quan và chưa có ý thức bảo vệ	- Huy động lực lượng tham gia - Đảm bảo công tác tuyên truyền tốt
3	Mất mùa, giảm năng suất lúa, ngô và hoa màu	- 45 ha lúa, 5 ha thiếu nước. - 20 ha lúa nằm ở vùng trũng - Thiếu đầu ra sản phẩm	- 20Km hệ thống kênh mương chưa được kiên cố hoá - Nguồn nước bị cạn kiệt chưa có hồ chứa nước - Chưa chủ động nạo vét kênh mương thường xuyên	- Đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh mương. - Chỉ đạo người dân thường xuyên nạo vét kênh mương - Áp dụng phương pháp tưới tiết kiệm nước - Tổ chức dịch vụ thu mua sản phẩm
		- 20 % bị ảnh hưởng của sâu bệnh - 10% thiếu phân bón	- Thiếu thuốc phòng trừ sâu bệnh - Thiếu kinh phí đầu tư - Người dân thiếu kiến thức KHKT, thiếu sự chăm sóc - Năng lực, kinh nghiệm còn hạn chế, người dân chưa chủ động trong phòng ngừa	- Vận động nguồn lực đầu tư kinh phí mua thuốc bảo vệ thực vật - Tập huấn kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh và chăm sóc cây trồng - Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi giống và có ý thức phòng ngừa sâu bệnh
		- 25% sử dụng giống cũ, kém chất lượng	- Người dân vẫn quen sử dụng giống cũ - Xã chưa có kế hoạch thay thế giống mới - Người dân thiếu nguồn kinh phí để mua giống	- Áp dụng giống mới có năng suất cao - Xã có kế hoạch đưa giống mới vào sản xuất - Có kế hoạch vay vốn để đầu tư.

4	Gia súc, gia cầm, cá bị chết rot, bị dịch bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - 80% chuồng trại không đảm bảo - 5ha nuôi cá nguy cơ cao - Sản lượng thấp - Không tiêm phòng đầy đủ - Người dân chưa có quy hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc chưa tốt, thiếu kiến thức vệ sinh - Thiếu đầu tư, chăn nuôi nhỏ lẻ, tự phát - Chưa có đầu ra cho sản phẩm, giá cả không ổn định, tự thương ép giá. - Xã chưa có sự quan tâm, quy hoạch chăn nuôi cho các bản 	<ul style="list-style-type: none"> - Mở lớp tập huấn kiến thức chăn nuôi - Đầu tư vốn để phát triển chăn nuôi - Tạo đầu ra cho sản phẩm - Tiêm phòng định kỳ - Đề nghị xã quy hoạch khu chăn nuôi - Tu sửa nâng cấp chuồng trại
----------	---	--	--	---

Bảng xếp hạng giải pháp

Giải pháp	Nam (10)	Nữ (15)	Tổng số (25)	Xếp hạng
Ban hành nghị quyết điều động nhân lực thu gom rác thải; bổ sung quy ước, hương ước hàng năm về công tác vệ sinh môi trường.	10	20	30	3
Quy hoạch và đầu tư xây dựng bãi rác thải	20	22	41	2
Tuyên truyền nâng cao nhận thức về PCTT, VSMT và chăm sóc sức khỏe	17	28	45	1
Đầu tư xây dựng sửa chữa nâng cấp 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương	10	19	29	4
Tạo việc làm, vay vốn phát triển kinh tế	3	8	11	9
Xây dựng sửa chữa 5 cầu treo nhỏ, 4 cầu máng, và 7 km đường giao thông liên thôn	7	9	16	6
Tập huấn kỹ thuật cây trồng vật nuôi	5	8	13	7
Tạo đầu ra sản phẩm (Ngô, hoa màu)	8	19	27	5
Áp dụng giống mới có năng suất chất lượng cao	10	2	12	8
Tổng cộng	90	135	225	

Bảng 9.1: Tổng hợp giải pháp phòng chống thiên tai

T.T	Giải	Địa điểm,	Hoạt động cụ thể thực hiện giải	Tổ chức thực hiện	Thời gian	Nguồn ngân sách dự
-----	------	-----------	---------------------------------	-------------------	-----------	--------------------

	pháp	đối tượng hưởng lợi	pháp		dự kiến	kiến		
						Dân	Địa phương	Bên ngoài
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về PCTT, VSMT, chăm sóc sức khoẻ	Người dân toàn xã	HD1: Tuyên truyền trực tiếp qua các cuộc họp của bản và các ban ngành đoàn thể.	BQLBản và các ban ngành	Thường xuyên		100%	
			HD2: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của bản	Ban quản lý bản+ Văn hoá xã	Thường xuyên		100%	
			HD3: Tổ chức diễn tập hàng năm	UBND Xã	Trung hạn	20%	50%	30%
			HD4: Pa nô, áp phích, biển cảnh báo	UBND xã + BQLBản	Trung hạn		50%	50%
			HD5: Tổ chức văn nghệ	Các bản + Văn hoá xã	Trung hạn	70%	30%	
			HD6: Tổ chức các hoạt động và tập huấn cho học sinh	VH xã + trường học	Trung hạn		100%	
2	Quy hoạch và đầu tư xây dựng bãi rác thải, thu gom rác thải	Người dân toàn xã	HD1: Xác định địa điểm khu bãi rác thải	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HD2: Lập đề án xây dựng bãi rác	UBND và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HD3: Thành lập đội thu gom rác	UBND xã	Trung hạn		100%	
			HD4: Tuyên truyền vận động người dân thu gom rác thải	UBND xã	Thường xuyên		100%	
			HD5: Tiến hành xây dựng bãi rác	UBND xã	Dài hạn		50%	50%

			HĐ 6:Tiến hành thu gom, xử lý rác thải	Nhân dân	Thường xuyên	70%	30%	
			HĐ7: Quy định về quản lý và cơ chế, kinh phí hoạt động thu gom	UBND xã	Thường xuyên		100%	
3	Ban hành nghị quyết điều động nhân lực thu gom rác thải; bổ sung quy ước, hương ước hàng năm về công tác vệ sinh môi trường.	UBND xã, 12 Bản, 2 tiểu khu	HĐ1: Rà soát lại quy chế, quy ước, hương ước hiện có	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ2 : Tổ chức họp lãnh đạo và các ban ngành có liên quan	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3 : Xây dựng kế hoạch	Lãnh đạo và các cán bộ chuyên môn	Ngắn hạn		100%	
			HĐ4: Thông qua lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã, cấp uỷ, BQL các bản, tiểu khu để hoàn chỉnh kế hoạch	Lãnh đạo và các ban ngành đoàn thể xã, cấp uỷ, ban QL các bản, tiểu khu	Ngắn hạn		100%	
			HĐ5: Ký và ban hành Nghị quyết	Lãnh đạo xã				
			HĐ6 :Phổ biến tuyên truyền Nghị quyết	Cán bộ xã và toàn thể nhân dân	Thường xuyên	30%	70%	
4	Đầu tư xây dựng sửa chữa nâng cấp 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương.	Người dân toàn xã	HĐ1: Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống kênh mương	UBND xã + BQLBản	Thường xuyên		100%	
			HĐ2: Tổ chức nạo vét kênh mương	Cán bộ nông nghiệp xã, bản	Thường xuyên	100%		
			HĐ3: Lập kế hoạch sửa chữa nâng cấp 6 trạm bơm, 3 phai thủy lợi, 20 km kênh mương.	UBND xã, cán bộ Thủy lợi	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Vận động nguồn lực đầu tư	UBND xã + Ban QL bản	Trung hạn		100%	
			HĐ5: Thực hiện sửa chữa	Các bản	Trung hạn	30%	50%	20%
			HĐ6:Quản lý, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả	Các bản	Thường xuyên	100%		

5	Tạo đầu ra sản phẩm (Ngô, hoa màu)	Người dân toàn xã	HĐ1:Đánh giá năng suất sản phẩm lúa, ngô, hoa màu	Cán bộ khuyến nông xã	Trung hạn		100%	
			HĐ2 : Liên hệ với các doanh nghiệp	UBND xã + ban QL bản	Ngắn hạn		100%	
			HĐ3:Thành lập HTX thu mua sản phẩm cho người dân	UBND xã + ban QL bản	Trung hạn		100%	
			HĐ4: Vận động nhân dân nhập sản phẩm cho HTX	UBND xã + ban QL bản	Trung hạn		100%	
			HĐ5: Hợp đồng giữa HTX và người dân để tiêu thụ sản phẩm, đầu tư giống, vốn	UBND xã + ban QL bản + Người dân	Trung hạn	20%	60%	40%
			HĐ6 : Xây dựng sân bãi, kho hàng hoá sản phẩm	HTX+ UBND xã	Trung hạn	30%	30%	40%

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TẬP HUẤN VÀ ĐÁNH GIÁ RRTT-DVCD

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lò Văn Luân	Phó chủ tịch UBND xã - Trưởng nhóm	01672380885

2	Lù Văn Phong	Cán bộ địa chính	01687642539
3	Tòng Thị Phong	Cán bộ nông nghiệp- xây dựng	0973199898
4	Quàng Thị Thu	Cán bộ Văn phòng thống kê	01695874599
5	Quàng Văn Muôn	Xã đội trưởng	01644894772
6	Tòng Văn Chung	Trưởng ban công an	01657288166
7	Quàng Văn Hoan	Chủ tịch MTTQVN xã	01683257186
8	Quàng Thị Mến	Chủ tịch Hội phụ nữ	01656379386
9	Lò Thị Thuận	Cán bộ LĐTBXH	01656097996
10	Lò Văn Khoa	Bí thư Đoàn thanh niên	0932384422
11	Lò Thị Tươi	Chủ tịch hội nông dân	0168699831
12	Lò Văn Nghĩ	Trưởng bản Sảng	0166460765
13	Tòng Văn Xương	Trưởng bản Phiêng Hay	01655159241
14	Lò Văn Châu	Trưởng bản Ái	01678726253
15	Quàng Văn Tương	Trưởng bản Lả Mường	01636070570
16	Quàng Văn Phóng	Trưởng bản Hụm	01235991495
17	Nguyễn Hữu Thất	Tiểu khu trưởng TK I	01686091190
18	Lò Văn Sương	Phó trưởng bản Tông	01204010413
19	Lù Văn Minh	Phó trưởng bản Panh Mong	0948196853
20	Hoàng Văn Quang	Trưởng bản Phiêng Ngùa	01664607200

2. Nhóm Tập huấn viên:

1. Lại Văn Minh: Chi cục Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và PTNT
2. Nguyễn Thị Thu: Hội chữ thập đỏ tỉnh
3. Nguyễn Thị Tuyết : Sở Lao động thương binh và xã hội

3. Nhóm tư vấn, giám sát:

- Bùi Thị Mai: giảng viên CDBRM Trung ương: Tư vấn
- Nguyễn Đức Thiện: cán bộ dự án DMC : Giám sát

4. Ban tổ chức:

- Lương Như Oanh: cán bộ tổ chức Oxfam
- Nguyễn Viết Trần Nam: cán bộ tổ chức Oxfam